

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: KỸ THUẬT Ô TÔ

CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC

1. Tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh

- Tuyển sinh được thực hiện bằng hình thức thi tuyển với ba môn thi là toán cao cấp, tiếng Anh và cơ học chất lỏng.

- Đối tượng tuyển sinh được quy định cụ thể như sau:

1.1. Về văn bằng: người dự thi cần thuộc một trong các đối tượng trong bảng sau:

QUY ƯỚC MÃ NHÓM ĐỐI TƯỢNG HỌC VIÊN

		Ngành học đại học	Chương trình đại học*		
			5 năm- 155 TC	4,5 năm- 141 TC	4 năm- 128 TC
Đối tượng dự thi định hướng nghiên cứu	Ngành đúng	Cơ khí ô tô, Kỹ thuật ô tô, Cơ khí động lực (định hướng chuyên sâu Kỹ thuật ô tô) và các ngành tương đương	A1.1	A1.2	A1.3
	Ngành phù hợp	Cơ khí động lực với định hướng chuyên sâu khác với Kỹ thuật ô tô	B1.1	B1.2	B1.3
	Ngành gần	Công nghệ chế tạo máy, Cơ điện tử, Máy tàu biển, Cơ khí giao thông, Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ-điện tử, Kỹ thuật hàng không, Kỹ thuật tàu thủy và các ngành tương đương	C1.1	C1.2	C1.3
Đối tượng dự thi định hướng ứng dụng	Ngành đúng	Cơ khí ô tô, Kỹ thuật ô tô, Cơ khí động lực (định hướng chuyên sâu Kỹ thuật ô tô) và các ngành tương đương	A2.1	A2.2	A2.3
	Ngành phù hợp	Công nghệ kỹ thuật ô tô, Cơ khí động lực với định hướng chuyên sâu khác với Kỹ thuật ô tô	B2.1	B2.2	B2.3
	Ngành gần	Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Sư phạm kỹ thuật công nghiệp, Công nghệ chế tạo máy, Cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Máy tàu biển, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Cơ khí giao thông, Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ-điện tử, Kỹ thuật hàng không, Kỹ thuật tàu thủy và các ngành tương đương	C2.1	C2.2	C2.3

* Phải thỏa mãn cả 2 yêu cầu về thời gian và số tín chỉ

Các đối tượng khác do Viện Cơ khí động lực xét duyệt hồ sơ quyết định.

1.2. Về thâm niên công tác:

Đối với đối tượng đăng ký dự thi để học theo định hướng nghiên cứu:

- Người có bằng tốt nghiệp đại học loại trung bình khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

- Những trường hợp còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp.

Đối với đối tượng đăng ký dự thi để học theo định hướng ứng dụng: không yêu cầu có thâm niên công tác.

2. Thời gian đào tạo

- Khóa đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng A1.1, B1.1, A2.1, B2.1, C1.1, C2.1 là 1 năm (2 học kỳ chính)
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng A1.2, A2.2, B1.2, B2.2, C1.2, C2.2 là 1,5 năm (3 học kỳ chính)
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng còn lại là 2 năm (4 học kỳ chính)

3. Bổ sung kiến thức

Danh mục các học phần bổ sung trong bảng 1 và danh mục các đối tượng và học phần phải học bổ sung cụ thể trong bảng 2.

Bảng 1: Danh mục học phần bổ sung

TT	Tên học phần	Mã số	Thời lượng	Ghi chú
1	Thiết kế tính toán ô tô	TE4210	3(3-1-0-6)	
2	Lý thuyết ô tô (BTL)	TE3210	3(3-1-0-6)	
3	Kết cấu ô tô	TE3200	3(3-1-0-6)	

Bảng 2: Danh mục đối tượng phải học bổ sung

TT	Đối tượng	Số TC bổ sung	Các HP bổ sung cụ thể (thuộc bảng 1)	Ghi chú
1	Đối tượng nhóm A	0	Không phải học bổ sung	
2	Đối tượng nhóm B	6	1, 2	
3	Đối tượng nhóm C	9	1,2,3	

4. Miễn học phần:

Danh mục các học phần xét miễn trong bảng 3 và danh mục các đối tượng được xét miễn học phần cụ thể trong bảng 4.

Bảng 3: Danh mục học phần xét miễn học

TT	Tên học phần	Mã số	Thời lượng	Ghi chú
1	Động lực học ô tô	TE4240	2(2-1-0-4)	
2	Xe chuyên dụng	TE5230	3(3-1-0-4)	

3	Đồ án chuyên ngành ô tô	TE5240	2(0-3-1-4)	
4	Ứng dụng máy tính trong kỹ thuật ô tô	TE5200	2(2-1-0-4)	
5	Cơ sở thiết kế ô tô	TE4250	2(2-1-0-4)	
6	Công nghệ khung vỏ ô tô	TE4220	2(2-0-0-4)	
7	Lý thuyết động cơ đốt trong II	TE5010	2(2-1-0-4)	
8	Cơ điện tử ô tô cơ bản	TE5210	3(3-0-1-6)	
9	Thí nghiệm ô tô	TE5220	2(2-0-1-4)	
10	Hệ thống điện và điện tử ô tô	TE4200	3(3-0-1-6)	
11	Kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa ô tô	TE3220	4(3-1-1-8)	
12	Thí nghiệm ĐCĐT	TE4010	3(3-0-1-6)	
13	Kỹ thuật bảo dưỡng và sửa chữa ĐCĐT	TE4020	3(3-0-1-6)	
14	Tăng áp động cơ	TE5040	2(2-1-0-4)	
15	Truyền động thủy lực thể tích	TE4470	2(2-1-0-4)	
16	Động lực học hệ thống thủy lực	TE4530	2(2-1-0-4)	
17	Công nghệ gia công áp lực	ME4322	2(2-0-1-4)	
18	Cảm biến ĐL và xử lý THĐ	EE3059	2(2-1-0-4)	
19	Phương pháp phân tử hữu hạn	ME4181	2(2-1-0-4)	
20	Dao động kỹ thuật	ME4031	2(2-0-0-4)	
21	Kỹ thuật điều khiển tự động	EE3359	3(3-1-0-6)	
22	Động lực học hệ nhiều vật	ME4051	2(2-1-0-4)	

Bảng 4: Danh mục đối tượng được xét miễn học phần

TT	Đối tượng	Số TC được miễn	Các HP được miễn cụ thể (thuộc bảng 3)	Ghi chú
1	A1.1, A2.1	22	Các HP từ số 1 đến 7 và 7 TC tự chọn từ HP số 8 đến số 22	
	B1.1, B2.1 C1.1, C2.1	15	Các học phần 4, 5, 6, 7 và 7 TC tự chọn từ HP số 8 đến số 22	
2	A1.2, A2.2	11	Học phần số 5, 7 và 7 TC tự chọn từ HP số 8 đến số 22	
	B1.2, B2.2 C1.2, C2.2	7	Tự chọn trong số các học phần từ số 8 đến số 22	
3	A1.3, B1.3, C1.3, A2.3, B2.3, C2.3	0	Không miễn	

Các đối tượng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học và các đối tượng khác do Viện Cơ khí Động lực xét duyệt hồ sơ và quyết định.